

**Xy lanh kẹp loại song song**  
**HGPT-25-A-B-G1**  
Số bộ phận: 560205

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                            | Giá trị                                                       |
|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Kích thước                                          | 25                                                            |
| Hành trình trên mỗi hàm kẹp                         | 6 mm                                                          |
| Độ chính xác trao đổi tối đa                        | 0.2 mm                                                        |
| Bộ gắp tối đa hàm góc chơi rừu, ay                  | 0.1 °                                                         |
| Khe chấu kẹp tối đa Sz                              | 0.02 mm                                                       |
| đối xứng quay                                       | 0.2 mm                                                        |
| Độ chính xác lắp lại kẹp                            | 0.04 mm                                                       |
| Số chấu kẹp                                         | 2                                                             |
| Loại bộ truyền động                                 | khí nén                                                       |
| Vị trí lắp đặt                                      | bất kì                                                        |
| Nguyên tắc vận hành                                 | tác động kép                                                  |
| Chức năng kẹp                                       | Song song                                                     |
| Thiết bị an toàn lực kẹp                            | khí mở                                                        |
| Cấu trúc xây dựng                                   | Mặt phẳng nghiêng<br>chuỗi chuyển động cưỡng bức              |
| Phát hiện vị trí                                    | cho các công tắc gần                                          |
| Áp suất vận hành                                    | 4 bar...8 bar                                                 |
| Áp suất vận hành khí chặn                           | 0 bar...0.5 bar                                               |
| Tần số làm việc tối đa của kẹp                      | 3 Hz                                                          |
| Thời gian mở tối thiểu ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)    | 24 ms                                                         |
| Thời gian đóng tối thiểu ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)  | 48 ms                                                         |
| Khối lượng tối đa trên mỗi ngón tay kẹp bên ngoài   | 110 g                                                         |
| Môi chất vận hành                                   | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển               | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                        |
| Tuân thủ LABS                                       | VDMA24364-B1/B2-L                                             |
| Mức độ bảo vệ                                       | IP40                                                          |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                      | 5 °C...60 °C                                                  |
| Mô-men quán tính khối lượng                         | 1.479 kgcm <sup>2</sup>                                       |
| Lực tối đa trên hàm kẹp Fz tĩnh                     | 1200 N                                                        |
| Thời điểm tối đa tại thời điểm nắm chặt hàm Mx tĩnh | 50 N m                                                        |
| Mô-men tối đa trên các hàm kẹp My tĩnh              | 45 N m                                                        |

| Đặc tính                                        | Giá trị                                                                                                                           |
|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Mô-men tối đa trên các hàm kẹp Mz tĩnh          | 35 N m                                                                                                                            |
| Khoảng thời gian bôi trơn các phần tử dẫn hướng | 5 triệu lượt                                                                                                                      |
| trọng lượng sản phẩm                            | 353 g                                                                                                                             |
| Kiểu gắn                                        | với ren trong và vòng măng xông<br>với lỗ xuyên và vòng măng sông<br>với lỗ xuyên và chốt<br>với ren trong và chốt khớp<br>tùy ý: |
| Cổng nối khí nén khí chặn                       | M5                                                                                                                                |
| Cổng nối khí nén                                | M5                                                                                                                                |
| Ghi chú vật liệu                                | Tuân thủ RoHS                                                                                                                     |
| Vật liệu nắp che                                | thép không gỉ hợp kim cao                                                                                                         |
| Vật liệu vỏ                                     | Nhôm anot hóa                                                                                                                     |
| Hàm kẹp vật liệu                                | Thép cứng                                                                                                                         |